

Bản án số: 06/2020/DS-ST
ngày 30 tháng 3 năm 2020
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang; bà Bùi Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 135/2019/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Trụ sở: số 02, Láng Hạ, phường Công Thành, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Ngọc T - Phó Giám đốc Chi nhánh huyện M, tỉnh Đ. Địa chỉ: số 55, đường T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Ông T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* vợ chồng ông Đào Huy N sinh năm 1977 bà Mai Thị C sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Bùi Văn Đ sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 07/12/2017, vợ chồng ông Đào Huy N bà Mai Thị C vay của Ngân hàng, Chi nhánh huyện M 40.000.000 đồng để chăm sóc mía, theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201702935. Ngày trả nợ 22/11/2018, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm.

Ngày 10/5/2018, vợ chồng ông N bà C vay thêm của Ngân hàng 300.000.000đồng để sửa chữa nhà ở, chăm sóc mía, mua sắm vật dụng gia đình, theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801097. Ngày trả nợ 10/5/2019, lãi suất trong hạn 10,5%/ năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm.

Để đảm bảo khoản vay, vợ chồng ông N bà C đã thế chấp quyền sử dụng đất 420 m² tại thửa đất số 5-A và 360 m² tại thửa đất số 5-B, tờ bản đồ 40, tại thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ, được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận số BA439441 và BA439442 ngày 15/01/2013, cùng các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, theo Hợp đồng thế chấp số K76/2016/HĐTC ngày 03/6/2016.

Đến nay, vợ chồng ông N bà C mới trả cho Ngân hàng 10.617.147đồng tiền lãi cho hai khoản nợ trên. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông N bà C phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày xét xử 30/3/2020 là 413.555.456đồng, bao gồm: 40.000.000đồng nợ gốc, 4.859.565đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201702935 và 300.000.000 đồng nợ gốc, 68.695.891 đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801097. Từ ngày 31/3/2020 vợ chồng ông N bà C phải tiếp tục trả tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

Hiện nay vợ chồng ông N bà C đi khỏi nơi cư trú, không rõ địa chỉ. Nếu vợ chồng ông N bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật.

* *Đối với bị đơn:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng qua xác minh, vợ chồng ông N bà C không có mặt tại địa phương, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để giải quyết theo quy định của Pháp luật.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ trình bày:* thấy vợ chồng ông N bà C không sử dụng nhà. Từ tháng 03/2019, ông Đ mượn tạm nhà gỗ của vợ chồng ông N bà C để cho nhân công sử dụng trong thời gian thu hoạch mía. Từ đó đến nay, ông N bà C không về cư trú tại địa phương. Ông Đ không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến tài sản của vợ chồng ông N bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk, tỉnh Đắc Lắc theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 85 Bộ Luật tố tụng dân sự chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú, xác định bị đơn vợ chồng ông N bà C đều vắng mặt tại nơi cư trú, hiện nay không rõ địa chỉ, thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn cung cấp 02 hợp đồng tín dụng do các bên đã ký kết số 5210LAV201702935 ngày 07/12/2017 và số 5210LAV201801097 ngày 10/5/2018. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bị đơn đã thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số K76/2016/HĐTC ngày 03/6/2016, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M. Hợp đồng giao kết giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung hợp đồng ghi nhận khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên vay không trả nợ đúng hạn gốc và lãi thì toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất quá hạn. Đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bên vay không thực hiện đúng nội dung cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 9 Hợp đồng tín dụng. Yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng đối với nguyên đơn.

Đối với khoản tiền mà Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông N bà C phải trả tính đến ngày xét xử 30/3/2020 là: 413.555.456 đồng, bao gồm 40.000.000 đồng nợ gốc, 4.859.565 đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201702935 và 300.000.000 đồng nợ gốc, 68.695.891 đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801097. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N bà C mới trả cho Ngân hàng 10.617.147 đồng tiền lãi, bao gồm 5.611.668 đồng tiền lãi đối với hợp đồng số 5210LAV201702935 và 5.005.479 đồng tiền lãi đối với hợp đồng số 5210LAV201801097. Do vậy, cần buộc vợ chồng ông N bà C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ đến ngày xét xử là 413.555.456 đồng.

Kể từ ngày 31/3/2020 đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông N bà C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với Ngân hàng về số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh

lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đối với quyền sử dụng đất 420m² tại thửa đất số 5-A và 360m² tại thửa đất số 5-B, tờ bản đồ 40, thôn 5, xã Cư Prao, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, vợ chồng ông N bà C thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số K76/2016/HĐTC ngày 03/6/2016 là tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng. Do vậy, trong trường hợp vợ chồng ông N bà C không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[3] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên, bị đơn vợ chồng ông N bà C phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 20.542.000đồng = (400.000.000đồng x 5%) + (13.555.456 x 4% đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 137; Điều 138, Điều 299, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng ông Đào Huy N bà Mai Thị C phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số nợ tính đến ngày 30/3/2020 là: 413.555.456đồng (*Bốn trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng*), bao gồm 40.000.000đồng nợ gốc, 4.859.565đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201702935 ngày 07/12/2017 và 300.000.000đồng nợ gốc, 68.695.891đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201801097 ngày 10/5/2018.

Kể từ ngày 31/3/2020 đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông N bà C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng ông N bà C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số K76/2016/HĐTC ngày 03/6/2016, để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Đào Huy N bà Mai Thị C phải chịu 20.542.000đồng (Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện M, tỉnh Đ 9.711.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2019/0003393 ngày 20/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đăk Lăk.

3. Thông báo quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương